

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3075/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 31 tháng 8 năm 2017

BQL DỰ ÁN JICA2

CÔNG VĂN BẢN

Số: 174

Ngày: 15 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 22/09/2016 và Quyết định số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án thành phần Dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Bình (Vốn JICA)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Hiệp định vay vốn số VN11-P9 ngày 30/3/2012 giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam về Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA2) và Quyết định số 2532/QĐ-BNN-HTQT ngày 24/6/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án thành phần - Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Bình (Vốn JICA) và Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012;

Căn cứ Công thư số 2016/HAN(IA)-270 ngày 07/4/2017 của Văn phòng JICA Việt Nam về việc không phản đối về việc mở rộng vùng mục tiêu mới và sửa đổi bổ sung kế hoạch thực hiện thuộc Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ;

Căn cứ Quyết định số 3251/QĐ-BNN-HTQT ngày 01/08/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2532/QĐ-BNN-HTQT ngày 24/6/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định số 319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/01/2012;

Căn cứ Quyết định số 3400/QĐ-BNN-KH ngày 17/8/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1291/QĐ-BNN-KH ngày 31/5/2012 về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ;

Xét Tờ trình số 1791/TTr-SNN-KHTC ngày 10/8/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung tại Quyết định số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt

dự án thành phần - Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ, tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 21/KHĐT-ĐN ngày 21 tháng 8 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án thành phần - Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Bình (Vốn JICA) và Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012, như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh:

“5. Địa điểm thực hiện:

Trên địa bàn các xã: Quảng Lưu, Quảng Kim, Quảng Hợp, Quảng Thạch, Quảng Đông (huyện Quảng Trạch) thuộc lâm phận Ban Quản lý Rừng phòng hộ Quảng Trạch; Trường Sơn, Trường Xuân (huyện Quảng Ninh) thuộc lâm phận Ban Quản lý Rừng phòng hộ Ba Rền và Ban Quản lý Rừng phòng hộ Long Đại”.

2. Điều chỉnh, bổ sung cơ nội dung Khoản 8 Điều 1 Quyết định số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012 và Điều 1 Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND tỉnh.

“8. Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn:

8.1. *Tổng vốn đầu tư:* 642 triệu Yên Nhật, tương đương 122.965 triệu đồng.

8.2. *Nguồn vốn:* Vốn JICA và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam.

- Vốn JICA: 530 triệu Yên Nhật, tương đương 101.598 triệu VND.

- Vốn đối ứng: 112 triệu Yên Nhật, tương đương 21.367 triệu VND.

(Tỷ lệ tính theo kết quả đã giải ngân thực tế của JICA từ năm 2013 - 2016 và giải ngân vốn JICA còn lại từ 2017 - 2021 là 1JPY = 190 VND)

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

Điều 2. Ngoài các nội dung điều chỉnh nêu trên, các nội dung khác tại Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 và Quyết định số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Quảng Trạch, Quảng Ninh; Giám đốc Ban Quản lý Dự án JICA 2 tỉnh và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lãnh đạo VP UBND;
- Lưu VT, CVNN.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Hoài

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU TỔNG VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN PHỤC HỒI VÀ QUẢN LÝ BỀN VỮNG RỪNG PHÒNG HỘ TỈNH QUẢNG BÌNH (VỐN JICA)
(Kèm theo Quyết định số: 3045 QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)



Tổng vốn đầu tư đã phê duyệt tại QĐ số 1828/QĐ-CT ngày 10/8/2012 và QĐ số 2891/QĐ-UBND ngày 22/9/2016										Phê duyệt điều chỉnh tổng vốn đầu tư										
STT	Hợp phần	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn vốn (triệu yên)				Quy ra VND (triệu đồng)				Số lượng	Nguồn vốn (triệu yên)				Quy ra VND (triệu đồng)			
				Tổng số	Vốn JICA	Vốn đối ứng	Tổng số	Vốn JICA	Vốn đối ứng	Tổng số	Vốn JICA		Vốn đối ứng	Tổng số	Vốn JICA	Vốn đối ứng				
1	Rà phá bom mìn và tẩy rửa chất độc hoá học	ha	590	59	59		15.847	15.847			590	82	82		15.847	15.847				
2	Phát triển rừng phòng hộ			133	133		36.187	36.187				298	298		57.069	57.069				
-	Trồng rừng mới	ha	1.600	124	124		33.641	33.641			1.338	224	224		42.976	42.976				
-	Năng cấp rừng hiện có	ha									235	24	24		4.630	4.630				
-	Bảo vệ rừng	ha	2.000	6	6		1.728	1.728			1.999	13	13		2.455	2.455				
-	Khoanh nuôi tái sinh rừng	ha	200	3	3		818	818			1.200	37	37		7.008	7.008				
3	Hỗ trợ phát triển sinh kế			7	7		1.800	1.800				9	9		1.800	1.800				
4	Phát triển cơ sở hạ tầng sinh kế			20	20		5.422	5.422				38	38		7.604	7.604				
5	Phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh			19	19		5.264	5.264				57	57		10.814	10.814				
6	Kiểm soát phòng chống cháy rừng			5	5		1.344	1.344				7	7		1.418	1.418				
7	Dự phòng trượt giá			176	176		47.523	47.523												
8	Dự phòng			21	21		5.699	5.699				26	26		4.956	4.956				
9	Quản lý dự án			69		69	18.539		18.539			100		100	19.090				19.090	
10	Thuế (nhập khẩu và VAT)			45		45	12.084		12.084			12		12	2.277				2.277	
11	Lãi suất khoản vay			6	6		1.727	1.727				6	6		1.140	1.140				
12	Phí cam kết			5	5		1.463	1.463				5	5		950	950				
TỔNG CỘNG				566	453	113	152.868	122.245	30.623			642	530	112	122.965	101.598	21.367			

Handwritten signature/initials.

Handwritten signature/initials.

